

Số: /QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án Hoàn thiện đường ven biển 129 (Võ Chí Công)

**Địa điểm: thành phố Tam Kỳ và các huyện Núi Thành,
Thăng Bình, Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 28/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 56/NQ-HĐND ngày 02/11/2020 quyết định chủ trương đầu tư dự án Hoàn thiện đường ven biển 129 (Võ Chí Công); số 22/NQ-HĐND ngày 19/4/2021 về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Hoàn thiện đường ven biển 129 (Võ Chí Công); số 55/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công sử dụng vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025; số 09/NQ-HĐND ngày 18/3/2022 kỳ họp thứ sáu, HĐND tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026 (thống nhất điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Hoàn thiện đường ven biển 129 (Võ Chí Công) từ nhóm B thành nhóm A);

Căn cứ Quyết định số 2150/QĐ-UBND ngày 02/8/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án thành phần 1: Hoàn thiện đường ven biển 129 thuộc dự án Hoàn thiện đường ven biển 129 (Võ Chí Công);

Theo Quyết định số 306/QĐ-STNMT ngày 25/5/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án thành phần 2: Đường nối từ đường Võ Chí Công đi Khu công nghiệp Đông Quế Sơn

nối với Quốc lộ 14H và Quốc lộ 1A, thuộc dự án Hoàn thiện đường ven biển 129 (Võ Chí Công);

Theo Công văn số 890/CQLXD-DADT2 ngày 07/4/2022 của Cục Quản lý xây dựng và chất lượng công trình giao thông về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Hoàn thiện đường ven biển 129 (Võ Chí Công), tỉnh Quảng Nam;

Xét hồ sơ kèm theo Tờ trình số 591/TTr-BQLGT ngày 25/4/2022, các Công văn số 708/BQLGT-KHKT ngày 19/5/2022, số 709/BQLGT-KHKT ngày 19/5/2022 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông về việc trình thẩm định, phê duyệt dự án Hoàn thiện đường ven biển 129 (Võ Chí Công);

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1387/TTr-SGTVT ngày 19/5/2022, kèm theo Kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án số 1385/KQTD-SGTVT ngày 19/5/2022 và ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 149/HĐND-VP ngày 25/5/2022 về việc phúc đáp Công văn số 3203/UBND-KTN ngày 23/5/2022 của UBND tỉnh về phê duyệt dự án Hoàn thiện đường ven biển 129 (Võ Chí Công).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Hoàn thiện đường ven biển 129 (Võ Chí Công), với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Hoàn thiện đường ven biển 129 (Võ Chí Công).

Dự án gồm 02 dự án thành phần:

- Dự án thành phần 1: Hoàn thiện đường ven biển 129 (Võ Chí Công).
- Dự án thành phần 2: Đường nối từ đường Võ Chí Công đi Khu công nghiệp Đông Quế Sơn nối với Quốc lộ 14H và Quốc lộ 1A.

2. Cơ quan quyết định đầu tư: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Nam.

4. Mục tiêu đầu tư: hoàn thiện và nâng cấp hệ thống giao thông liên vùng nối cầu Cửa Đại đến sân bay Chu Lai; hình thành tuyến giao thông huyết mạch vùng ven biển, kết nối liên vùng Đà Nẵng, Quảng Nam và Khu công nghiệp Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi, kết nối đường ven biển đến Khu công nghiệp Đông Quế Sơn đến Quốc lộ 14H, phục vụ phát triển các ngành công nghiệp, du lịch, dịch vụ, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, đảm bảo an ninh quốc phòng.

5. Quy mô đầu tư:

5.1. Phạm vi dự án:

a) Dự án thành phần 1: Đường ĐT.619 (Võ Chí Công) từ nút giao với

QL.40B đến nút giao với ĐT.620. Tổng chiều dài tuyến khoảng 26,5 Km.

b) Dự án thành phần 2:

- Đoạn 1: Đường nối từ Km27+400/ĐT.619 đến nút giao với dự án Đường nối Quốc lộ 1A đi vùng đông Duyên Hải và đường ven biển Việt Nam. Chiều dài tuyến khoảng 19,4 Km.

- Đoạn 2: Đường nối từ Km27+400/ĐT.619 đến Km979+310/QL.1. Chiều dài tuyến khoảng 3,74 Km.

5.2. Quy mô đầu tư:

a) Dự án thành phần 1:

- Cấp đường: đường phố chính đô thị thứ yếu theo TCXDVN 104-2007, vận tốc thiết kế $V_{tk} = 70$ Km/h.

- Mặt cắt ngang: xây dựng nền, mặt đường phần còn lại bên phải tuyến hiện có để đạt mặt cắt ngang 25 m (nền) = $2 \times 10,25$ m (mặt đường) + 2,5 m (dải phân cách giữa) + $2 \times 1,0$ m (lề đường) cho đoạn Km0 - Km9 và 38 m (nền) = $2 \times 10,25$ m (mặt đường) + 2,5 m (dải phân cách giữa) + $2 \times 7,5$ m (vĩa hè hoặc lề đường) cho đoạn còn lại.

- Kết cấu mặt đường: cấp cao A1.

- Tải trọng thiết kế: tính kết cấu áo đường, trục xe 120KN; tính cống, H30-XB80; tính cầu, HL93.

- Công trình cầu vượt sông: đầu tư thêm 01 đơn nguyên bên phải đơn nguyên hiện có của 6 cầu trên tuyến theo quy mô tương tự đơn nguyên đã có. Sau khi ghép 02 đơn nguyên thì mặt cắt ngang cầu rộng 25 m = 2×9 m (phần xe chạy) + 2,5 m (dải phân cách giữa và dải an toàn) + $2 \times 2,25$ m (lề bộ hành và gờ lan can), mỗi đơn nguyên cầu rộng 12,25 m.

- Công trình trên tuyến: đầu tư hệ thống thoát nước ngang tuyến và dọc tuyến theo quy mô tương tự phần hiện có; hệ thống tổ chức giao thông; điện chiếu sáng, cây xanh.

b) Dự án thành phần 2:

- Cấp đường: đường cấp III đồng bằng theo TCVN 4054 - 2005.

- Mặt cắt ngang: 12,75 m (nền) = 10,25 m (mặt) + $2 \times 1,25$ m (lề).

- Kết cấu mặt đường: cấp cao A1.

- Tải trọng thiết kế: tính kết cấu áo đường, trục xe 120KN; tính cống, H30-XB80; tính cầu, HL93.

- Tần suất thiết kế: nền đường, cống và cầu nhỏ 4%; cầu lớn, cầu trung 1%.

- Công trình trên tuyến: cầu vượt sông, hệ thống thoát nước ngang tuyến và dọc tuyến, hệ thống tổ chức giao thông, điện chiếu sáng, cây xanh.

- Khổ cầu: 12,25 m = 11,25 m (phần xe chạy) + $2 \times 0,5$ m (gờ lan can).

6. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi:

- Dự án thành phần 1: Liên danh Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế Cầu lớn - Hàm và Công ty Cổ phần Tư vấn và xây dựng Tân Phong.
- Dự án thành phần 2: Liên danh Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Thành Công và Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Trí Thành.

7. Chủ nhiệm lập dự án: ông Tống Trần Long (chủ nhiệm dự án thành phần 1) và ông Trịnh Quang Vinh (chủ nhiệm dự án thành phần 2).

8. Địa điểm xây dựng: thành phố Tam Kỳ và các huyện Núi Thành, Thăng Bình, Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

9. Diện tích sử dụng đất: khoảng 112,31 ha, trong đó:

- Dự án thành phần 1: khoảng 49,63 ha.
- Dự án thành phần 2: khoảng 62,68 ha.

10. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: dự án nhóm A, công trình giao thông đường bộ, cấp I.

11. Số bước thiết kế: 02 bước.

12. Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng chủ yếu: theo khoản 13 mục I tại Kết quả thẩm định số 1385/KQTD-SGTVT ngày 19/5/2022 của Sở Giao thông vận tải.

13. Nội dung thiết kế cơ sở:

13.1. Dự án thành phần 1:

a) Phần tuyến:

- Bình đồ và trắc dọc: bám theo giai đoạn 1 đang xây dựng, mở rộng phía bên phải.

- Trắc ngang:

+ Đoạn từ Km0+120 - Km8+880: đầu tư mở rộng với quy mô $B_{mặt}/B_{nền} = 20,5/25$ m (gồm 4 làn xe cơ giới: $4 \times 3,5$ m = 14 m; 2 làn xe hỗn hợp: $2 \times 2,75$ m = 5,5 m; dải an toàn: $2 \times 0,5$ m = 1 m; dải phân cách giữa 2,5 m; lề đất: 2×1 m = 2 m).

+ Đoạn từ Km8+880 - Km16+720 và Km22+500 - Km26+500: đầu tư mở rộng với quy mô $B_{mặt}/B_{nền} = 20,5/38$ m (gồm 4 làn xe cơ giới: $4 \times 3,5$ m = 14 m; 2 làn xe hỗn hợp: $2 \times 2,75$ m = 5,5 m; dải phân cách 2,5 m; dải an toàn: $2 \times 0,5$ m = 1 m; lề đất: $2 \times 7,5$ m = 15 m).

+ Đoạn từ Km0 - Km0+120, đoạn Km19+400 - Km22+500 có $B_{mặt}/B_{nền} = 20,5/38$ m và đoạn từ Km16+720 - Km19+400 từ $B_{mặt}/B_{nền} = 42/66$ m: giữ nguyên hiện trạng đã được đầu tư trong giai đoạn 1.

- Nền đường:

+ Nền đắp: nền đường được đắp bằng đất đảm bảo độ chặt $K \geq 0,95$, riêng với lớp trên cùng dày 50 cm đầm nén đảm bảo độ chặt $K \geq 0,98$; mái taluy độ dốc 1:1,5, bên ngoài được trồng cỏ, đoạn tuyến đắp qua khu vực ngập nước thường xuyên mái taluy được bảo vệ bằng đá hộc xây hoặc tấm BTXM kín.

+ Nền đào: lớp trên cùng dày 30 cm đầm nén đảm bảo độ chặt $K \geq 0,98$, 50 cm tiếp theo đảm bảo độ chặt $K \geq 0,95$. Mái taluy nền đào có độ dốc 1:1,5.

- Mặt đường: 02 lớp bê tông nhựa BTN, tổng chiều dày 12 cm trên lớp cấp phối đá dăm dày 48 cm.

- Xử lý nền đất yếu: các đoạn qua nền đất yếu, tổng chiều dài khoảng 2,2 Km được xử lý gia cố bằng trụ đất xi măng, đường kính cọc 80 cm hoặc bằng giằng cát đường kính 40 cm hoặc xử lý ổn định nền đường bằng vôi địa kỹ thuật tương tự phương án đã xử lý ở giai đoạn 1.

- Dải phân cách giữa rộng 2,5 m có bố trí trồng cây, thảm cỏ.

b) Nút giao, đường giao:

- Thiết kế 04 nút giao ngã tư cùng mức (nút giao đường dẫn cầu Tam Tiến, đường ĐX1.TH, đường ĐH2.NT và ĐT.618), kết cấu tương tự với kết cấu đường chính.

- Các vị trí giao với đường nhánh nhỏ, đường dân sinh được thiết kế vuốt nổi êm thuận đảm bảo an toàn giao thông, đảm bảo tầm nhìn. Kết cấu vuốt nổi bằng bê tông nhựa trên cấp phối đá dăm.

c) Công trình thoát nước:

- Thoát nước ngang: trên tuyến thiết kế khoảng 18 cống tròn và 51 cống hộp, đáp ứng tải trọng thiết kế, đảm bảo đủ khẩu độ thoát nước, phù hợp hệ thống thủy lợi hiện tại.

- Thoát nước dọc: bố trí rãnh dọc phù hợp địa hình, đặc điểm phân bố dân cư trong khu vực.

d) Công trình cầu:

Đầu tư thêm 01 đơn nguyên cầu bên phải giai đoạn 1 để hoàn thiện mặt cắt ngang cầu rộng 25 m = 2 x 9 m (phần xe chạy) + 2,5 m (dải phân cách giữa và dải an toàn) + 2 x 2,25 m (lề bộ hành và gờ lan can), trong đó giai đoạn 1 đã đầu tư xây dựng mỗi cầu 01 đơn nguyên cầu rộng 12,25 m:

TT	Tên cầu	Lý trình	Sơ đồ nhịp (m)	Chiều dài cầu (m)	Kết cấu nhịp
1	Cầu Diêm Trà	Km10+040	1 × 18	41,7	Dầm bản 18m
2	Cầu Tam Tiến	Km10+975	6 × 33 + (55 + 90 + 55) + 2 × 33	478,7	Dầm hộp đúc hẫng và Dầm I-33
3	Cầu Tam Hiệp	Km16+000	6 × 33	212	Dầm I-33

TT	Tên cầu	Lý trình	Sơ đồ nhịp (m)	Chiều dài cầu (m)	Kết cấu nhịp
4	Cầu An Tân 2	Km23+400	4 × 33	142	Dầm I-33
5	Cầu Tam Nghĩa	Km25+100	2 × 24	60,61	Dầm I-24
6	Cầu Tam Quang	Km25+500	2 × 24	60,15	Dầm I-24

- Kết cấu phần trên: kết cấu giống đơn nguyên 1 của các cầu đã xây dựng trong giai đoạn 1. Sử dụng kết cấu nhịp BTCT DUL dạng dầm bản, dầm hộp đúc hẫng, dầm I. Bản mặt cầu BTCT đổ tại chỗ và được thiết kế liên tục nhiệt để tạo độ êm thuận.

- Kết cấu phần dưới: móng, trụ bằng BTCT trên hệ cọc khoan nhồi đường kính $D = 1,0$ m, $D = 1,2$ m và $D = 1,5$ m tùy từng vị trí.

e) Công trình an toàn giao thông và công trình phụ trợ:

- Hệ thống an toàn giao thông thiết kế theo QCVN 41:2019/BGTVT.

- Chiếu sáng và cấp nguồn:

+ Bố trí trên dải phân cách cột đèn cao 11 m và bộ đèn chiếu sáng LED 125W với khoảng cách khoảng 35 m/cột, cầu Tam Tiến với khoảng cách khoảng 33 m/cột, các cầu còn lại khoảng 35 m/cột và 04 cột/02 nút giao.

+ Cấp nguồn chiếu sáng: đầu tư 10 trạm biến áp hạ thế 50kVA-22/0,4kV cấp điện chiếu sáng.

- Cây xanh trên dải phân cách giữa tuyến.

13.2. Dự án thành phần 2:

a) Phần tuyến:

- Bình đồ:

+ Đoạn 1 (dài 19,39 Km): điểm đầu tại Km27+400/ĐT.619 (Võ Chí Công) đi trùng với tuyến thuộc Quy hoạch chung Khu kinh tế mở Chu Lai (dài 6,50 Km), tiếp tục đi theo Quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Hà Lam - Chợ Đước (tận dụng lại hoàn toàn đường hiện trạng, dài 0,8 Km), tiếp tục đi theo Quy hoạch phân khu Khu công nghiệp Đông Quế Sơn (dài 2,85 Km), sau đó kết nối với Đường nối QL1A đi vùng Đông Duy Xuyên và đường ven biển Việt Nam.

+ Đoạn 2 (dài 3,74 Km): điểm đầu tại Km27+400/ĐT.619 (Võ Chí Công) đi trùng với tuyến thuộc Quy hoạch phân khu Khu công nghiệp Nam Thăng Bình, kết nối với QL.1 tại Km979+310/QL.1.

- Trắc dọc: theo tần suất thiết kế của cấp đường, cao độ quy hoạch các khu công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư và dự án liên quan.

- Trắc ngang: $B_{\text{mặt}}/B_{\text{nền}} = 10,25/12,75$ m. Riêng đoạn hiện trạng qua Cụm công nghiệp Hà Lam - Chợ Đước rộng 36 m = 2 x 7,5 m (mặt) + 5 m (dải phân cách) + 2 x 8 m (vĩa hè).

- Nền đường:

+ Nền đắp: nền đường đắp bằng đất đảm bảo độ chặt $K \geq 0,95$; riêng với lớp trên cùng dày 50 cm đầm nén đảm bảo độ chặt $K \geq 0,98$. Mái taluy đắp bằng đất tận dụng, độ dốc 1:1,5 dày tối thiểu 1,0 m, bên ngoài đối với đoạn đắp cao, khu vực ngập nước thường xuyên mái taluy được bảo vệ bằng tấm BTXM kín.

+ Nền đào: lớp trên cùng dày 30 cm đầm nén đảm bảo độ chặt $K \geq 0,98$, 50 cm tiếp theo đảm bảo độ chặt $K \geq 0,95$. Mái taluy nền đào có độ dốc 1:1,5 (đất rời), 1:1 (đất dính).

- Xử lý nền đất yếu (thuộc đoạn 2): các đoạn qua nền đất yếu, tổng chiều dài khoảng 1,7 Km được xử lý gia cố bằng PVD bố trí kiểu tam giác $D = 1,3$ m.

- Mặt đường: 02 lớp bê tông nhựa BTN, tổng chiều dày 12 cm trên lớp cấp phối đá dăm dày 48 cm.

Riêng làn chuyển tốc trên QL.1 (thuộc đoạn 2) thiết kế tương tự kết cấu đường QL.1: 02 lớp bê tông nhựa BTN, tổng dày 13 cm trên lớp cấp phối đá dăm dày 65 cm, đảm bảo $E_{yc} \geq 160$ MPa.

b) Đường giao, nút giao:

- Thiết kế 14 nút giao đơn giản, cùng mức (đoạn 1 có 10 nút, đoạn 2 có 04 nút), kết cấu mặt đường tương tự với kết cấu mặt đường tuyến chính. Riêng đoạn giao với QL.1 thì kết cấu tương tự như QL.1.

- Các vị trí giao với đường nhánh nhỏ, đường dân sinh được thiết kế vuốt nổi êm thuận đảm bảo an toàn giao thông, đảm bảo tầm nhìn. Kết cấu vuốt nổi bằng bê tông nhựa trên cấp phối đá dăm.

c) Công trình thoát nước:

- Thoát nước ngang: trên tuyến thiết kế khoảng 03 cống tròn (đoạn 2: 03 cái) và 99 cống hộp (đoạn 1: 83 cái, đoạn 2: 16 cái), đáp ứng tải trọng thiết kế, đảo bảo đủ khẩu độ thoát nước, phù hợp hệ thống thủy lợi hiện tại. Kết cấu bằng bê tông và BTCT.

- Thoát nước dọc: bố trí rãnh dọc phù hợp địa hình, đặc điểm phân bố dân cư trong khu vực.

d) Công trình cầu:

- Đầu tư xây dựng mới 3 cầu; khổ cầu phù hợp với khổ nền đường ($B_c = 12,25$ m), bao gồm:

TT	Tên cầu	Lý trình	Sơ đồ nhịp (m)	Chiều dài cầu (m)	Thông thuyền	Ghi chú
1	Cầu Bàu Bàng	Km3+560,21	1 x 24 m	35,26		Đoạn 1
2	Cầu Tú Nghĩa	Km1+752,19	3 x 33 m	110,2		Đoạn 2

3	Cầu Trà Long	Km3+018,00	3 x 24 m	78,2	Không thông thuyền	
---	--------------	------------	----------	------	--------------------	--

- Kết cấu phần trên: sử dụng kết cấu nhịp BTCT DUL dạng dầm I. Bản mặt cầu BTCT đổ tại chỗ và được thiết kế liên tục nhiệt để tạo độ êm thuận.

- Kết cấu phần dưới: mô, trụ bằng BTCT trên hệ cọc khoan nhồi D = 1,0 m.

e) Hệ thống an toàn giao thông và công trình phụ trợ:

- Hệ thống an toàn giao thông được thiết kế theo QCVN 41:2019/BGTVT.

- Chiếu sáng:

+ Phạm vi: (i) đoạn 1 gồm các phân đoạn Km0 - Km0+100, Km5+700 - Km7+600, Km8+400 - Km11+700 và Km18+300 - Km19+400, tổng chiều dài các đoạn khoảng 6,4 Km; (ii) đoạn 2, trên toàn nhánh tuyến dài khoảng 3,7 Km.

+ Bố trí chiếu sáng bằng các cột đèn cao 8 m, 14 m và bộ đèn chiếu sáng LED 125W, LED200W trên vỉa hè với khoảng cách trung bình khoảng 35 m.

+ Cấp nguồn chiếu sáng: đấu nối với 09 vị trí cấp nguồn chiếu sáng.

- Cây xanh: bố trí tại phạm vi nút giao QL.14E thuộc Nhánh 2 và nút giao QL.1 thuộc Nhánh 1.

14. Tổng mức đầu tư là: **2.056.760.000.000 đồng** (Hai ngàn, không trăm năm mươi sáu tỷ, bảy trăm sáu mươi triệu đồng), Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 1.501.880.194.000 đồng;
- Chi phí thiết bị: 6.059.053.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 13.803.644.000 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD: 52.724.694.000 đồng;
- Chi phí khác: 21.852.840.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 197.889.748.000 đồng;
- + Dự phòng khối lượng 7,4% 137.482.547.000 đồng,
- + Dự phòng trượt giá 3,25% (tạm tính 3 năm) 60.407.201.000 đồng;
- Chi phí BT, GPMB 262.549.827.000 đồng.

15. Nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách Trung ương: 1.558.000.000.000 đồng (Một ngàn, năm trăm năm mươi tám tỷ đồng);

- Ngân sách tỉnh: 498.760.000.000 đồng (Bốn trăm chín mươi tám tỷ, bảy trăm sáu mươi triệu đồng).

16. Hình thức quản lý dự án: thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày

17/6/2020 và Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

17. Thời gian thực hiện: 2022 - 2025.

18. Cơ quan tiếp nhận quản lý sử dụng sau khi dự án hoàn thành:

- Dự án thành phần 1 (đường ĐT.619):

+ Sở Giao thông vận tải: đối với hạng mục giao thông (ngoại trừ đèn tín hiệu).

+ Các địa phương có tuyến đường đi qua: đối với hạng mục còn lại.

- Dự án thành phần 2: các địa phương có tuyến đường đi qua.

19. Phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư: tách phần bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư trên địa bàn từng huyện và thành phố thành các tiểu dự án riêng để triển khai thực hiện.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông (chủ đầu tư) căn cứ các nội dung đã được phê duyệt, tiến hành lập các hồ sơ, thủ tục tiếp theo theo đúng quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình triển khai thực hiện. Trong đó lưu ý, tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn chỉnh đầy đủ hồ sơ, thủ tục nêu tại mục IV Tờ trình số 1387/TTr-SGTVT ngày 19/5/2022 của Sở Giao thông vận tải; trường hợp cần thiết, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, bổ sung, điều chỉnh các pháp lý liên quan đảm bảo thống nhất, triển khai thực hiện theo đúng quy định.

2. Giao UBND thành phố Tam Kỳ và các huyện Núi Thành, Thăng Bình, Duy Xuyên làm chủ đầu tư các Tiểu dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng đoạn qua các địa phương, thực hiện từ nguồn vốn bố trí của dự án; chỉ đạo cơ quan được giao nhiệm vụ thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh lập thủ tục giao, nhận mốc giới giải phóng mặt bằng tại hiện trường và kế hoạch, tiến độ triển khai thực hiện dự án để tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thanh toán, quyết toán theo đúng quy định của pháp luật; bàn giao kịp thời mặt bằng cho chủ đầu tư để triển khai thi công công trình.

3. Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ngành liên quan theo dõi, hướng dẫn và kiểm tra, giám sát chủ đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông; Chủ tịch UBND

thành phố Tam Kỳ và các huyện Duy Xuyên, Thăng Bình, Núi Thành; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- BTV UB MTTQ VN tỉnh;
- BCH Quân sự tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KTTH, KTN(Đ).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Quang